

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/KDTM-ST

Ngày: 06-01-2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Lài

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Dũng;

Bà Huỳnh Anh Thư.

-Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 114/2025/TLST-KDTM ngày 28/10/2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công Ty T;

Địa chỉ: Thửa đất số 300, tờ bản đồ số 33, đường ĐT745, khu phố Khánh L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: bà Võ Thị Oanh K, sinh năm 1991, căn cước công dân số 084191002989 cấp ngày 01/03/2022; địa chỉ: 89/15 khu phố B, phường A, Thành Phố Hồ Chí Minh (trước đây là 89/15 khu phố Bình Phước B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương) và bà B, sinh năm 1976, căn cước công dân số 079176032764 cấp ngày 25/08/2022; địa chỉ liên hệ: 958/25C Lò Gốm, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là 958/25C Lò Gốm, Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/9/2025); có mặt.

- Bị đơn: Công ty L.

Địa chỉ: lô A3, A4, đường số 01, Cụm công nghiệp U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ cũ: lô J3 đường N4, Khu công nghiệp N mở rộng, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông T; địa chỉ liên lạc: lô A3, A4, đường số 01, Cụm công nghiệp Uyên Hưng, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Công Ty T (sau đây viết tắt là Công ty T) và Công ty L (sau đây viết tắt là Công ty L) là đối tác của nhau trong quá trình sản xuất, kinh doanh từ nhiều năm nay. Trong quá trình hợp tác, Công ty T nhiều lần bán cho Công ty L các mặt hàng các loại thùng carton, giấy tấm carton, giấy sóng với nhiều kích thước quy cách khác nhau theo từng đơn đặt hàng của Công ty L.

Các bên có ký hợp đồng sản xuất và mua bán hàng hóa số: 46/2025/HĐMB vào ngày 01/4/2025 (có hiệu lực từ 01/4/2025 đến 31/12/2025). Hết thời hạn nêu trên, nếu hai bên không có ý kiến gì thì Hợp đồng được tự động kéo dài 12 tháng tiếp theo và tối đa không quá 01 năm, các bên đã căn cứ theo hợp đồng để thực hiện việc đặt hàng, giao hàng, xuất hóa đơn, thanh toán.

Từ khoảng tháng 04/2025 đến tháng 08/2025, Công ty L đã nhiều lần mua hàng của Công ty T với tổng giá trị là: 3.596.499.293 đồng, các bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và xuất 04 hóa đơn cụ thể như sau:

1. Hóa đơn giá trị gia tăng số 396 ngày 31/5/2025 thể hiện:

Mặt hàng: Tấm carton; Thùng carton (kích thước khác nhau) số tiền: 1.118.712.127 đồng.

2. Hóa đơn giá trị gia tăng số 496 ngày 30/6/2025 thể hiện:

Mặt hàng: Tấm carton; Thùng carton (kích thước khác nhau) số tiền: 1.988.651.377 đồng.

3. Hóa đơn giá trị gia tăng số 569 ngày 31/7/2025 thể hiện:

Mặt Hàng: Tấm carton; Thùng carton (kích thước khác nhau) số tiền: 488.152.425 đồng.

4. Hóa đơn giá trị gia tăng số 621 ngày 26/8/2025 thể hiện:

Mặt hàng: Tấm carton (kích thước khác nhau) số tiền: 983.364 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hàng mà Công ty T đã bán cho Công ty L là 3.596.499.293 đồng (ba tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn hai trăm chín mươi ba đồng).

Mặc dù Công ty T đã nhiều lần yêu cầu Công ty L phải thanh toán số tiền công nợ đã phát sinh nói trên nhưng đến nay Công ty L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình. Ngoài số tiền công nợ như trên, vì đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nên Công ty T cũng yêu cầu Công ty L phải thực hiện

nghĩa vụ thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định pháp luật.

Vì vậy, Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty L phải thanh toán cho Công ty T số tiền còn nợ là 3.596.499.293 đồng (ba tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn hai trăm chín mươi ba đồng).

2. Về tiền lãi chậm thanh toán: Yêu cầu Công ty L phải chịu tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 0,75%/năm, áp dụng từ ngày 02/7/2025 cho đến ngày 06/01/2026 là 147.152.032 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu một trăm năm mươi hai nghìn không trăm ba mươi hai đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính yêu cầu Công ty L phải thanh toán là: 3.596.499.293 đồng + 147.152.032 đồng = 3.743.651.325 đồng (ba tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng); làm tròn số tiền là 3.743.651.000 đồng (ba tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn đồng).

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty L theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty L không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn Công ty L thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 3.743.651.000 đồng (ba tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.743.651.000 đồng (ba tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty L thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn Công ty L có trụ sở tại phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số tiền nợ gốc: xét thấy, giữa Công ty T và Công ty L có quan hệ mua bán theo hợp đồng sản xuất và mua bán hàng hóa số: 46/2025/HĐMB vào ngày 01/4/2025 (có hiệu lực từ 01/4/2025 đến 31/12/2025). Hết thời hạn nêu trên, nếu hai bên không có ý kiến gì thì Hợp đồng được tự động kéo dài 12 tháng tiếp theo và tối đa không quá 01 năm, các bên đã căn cứ theo hợp đồng để thực hiện việc đặt hàng, giao hàng, xuất hóa đơn, thanh toán, theo đó Công ty T bán hàng hoá là các loại tấm carton, thùng carton, giấy sóng cho Công ty L. Việc mua bán được thực hiện theo thỏa thuận của hai bên theo từng đơn hàng. Hợp đồng giữa hai bên thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình mua bán, Công ty T đã giao hàng cho Công ty L và đã xuất tổng cộng 04 hoá đơn gồm số 396 ngày 31/5/2025, 496 ngày 30/6/2025, 569 ngày 31/7/2025, 621 ngày 26/8/2025 với tổng số tiền 3.596.499.293 đồng. Công ty L chưa thanh toán cho Công ty T. Vì vậy, việc Công ty L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005. Do đó, nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty L thanh toán số tiền còn nợ 3.596.499.293 đồng là có cơ sở.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Công ty T yêu cầu Công ty L thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 02/7/2025 đến ngày xét xử là 147.152.032 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu một trăm năm mươi hai nghìn không trăm ba mươi hai đồng), lãi suất được tính 0,75%/năm. Xét thấy, tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Tại thời điểm xét xử (ngày 06/01/2026) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 09%/năm (tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam). Theo Hợp đồng mua bán số: 46/2025/HĐMB vào

ngày 01/4/2025 thì hai bên không có thoả thuận về việc trả lãi, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 0,75%/năm là thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình 03 Ngân hàng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 238, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty T đối với bị đơn Công ty L về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty L có trách nhiệm thanh toán cho Công Ty T tổng số tiền 3.743.651.000 đồng (ba tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Công Ty T phải chịu số tiền 5.096.126 đồng (năm triệu không trăm chín mươi sáu nghìn một trăm hai mươi sáu đồng); đã thực hiện xong.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty L phải nộp số tiền 107.873.000 đồng (một trăm lẻ bảy triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Hoàn trả cho Công Ty T số tiền 52.496.459 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029462 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Lài